

KI M TOÁN NHÀ N C C NG HOÀ XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc

S : 02/2018/Q -KTNN

Hà N i, ngày 26 tháng 11 n m 2018

QUY T NH

Ban hành Quy trình ki m toán Báo cáo quy t toán ngân sách nhà n c

C n c Lu t Ki m toán nhà n c ngày 24 tháng 6 n m 2015;
C n c Lu t ban hành v n b n quy ph m pháp lu t ngày 22 tháng 6 n m 2015;
C n c Quy t nh s 08/2016/Q -KTNN ngày 23/12/2016 c a T ng Ki m
toán nhà n c ban hành Quy trình ki m toán c a Ki m toán nhà n c;
Xét ngh c a V tr ng V T ng h p và V tr ng V Pháp ch ,
T ng Ki m toán nhà n c ban hành Quy t nh quy nh v Quy trình ki m
toán Báo cáo quy t toán ngân sách nhà n c.

i u 1. Ban hành kèm theo Quy t nh này Quy trình ki m toán Báo cáo quy t toán ngân sách nhà n c.

i u 2. Quy t nh này có hi u l c thi hành sau 45 ngày, k t ngày ký và thay th Quy t nh s 03/2013/Q -KTNN ngày 03/4/2013 c a T ng Ki m toán nhà n c ban hành Quy trình ki m toán báo cáo quy t toán ngân sách nhà n c.

i u 3. Th tr ng các n v tr c thu c Ki m toán nhà n c và các t ch c, cá nhân có liên quan ch u trách nhi m thi hành Quy t nh này./.

N i nh n:

- Nh i u 3;
- U ban th ng v Qu c h i;
- Th t ng Chính ph ;
- VP Ch t ch n c, VP Qu c h i, VP Chính ph ;
- H i ng Dân t c và các U ban c a Qu c h i; các Ban c a UBTVQH;
- Các b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph ;
- H ND, UBND các t nh, thành ph tr c thu c TW;
- Vi n KSND t i cao, TAND t i cao;
- Các c quan TW c a các oàn th ;
- Các T p oàn kinh t , T ng công ty 91;
- C c Ki m tra VBQPPL - B T pháp;
- Công báo;
- Lãnh o KTNN;
- Các n v tr c thu c KTNN;
- L u: VT, V T ng h p.

T NG KI M TOÁN NHÀ N C

H c Ph c

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

Báo cáo quy tắc toán ngân sách nhà nước

(Ban hành kèm theo Quy tắc số 02/2018/Q-KTNN
ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy trình kiểm toán Báo cáo quy tắc toán ngân sách nhà nước (NSNN) quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các bước công việc của các cơ quan kiểm toán Báo cáo quy tắc toán NSNN, gồm:

- Chuẩn bị kiểm toán;
- Thực hiện kiểm toán;
- Lập và gửi báo cáo kiểm toán;
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các cơ quan kiểm toán Báo cáo quy tắc toán NSNN hàng năm của Kiểm toán nhà nước (KTNN) và các áp dụng với toàn bộ kiểm toán của KTNN, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình kiểm toán Báo cáo quy tắc toán NSNN.

Điều 3. Yêu cầu đối với toàn bộ kiểm toán và thành viên của toàn bộ kiểm toán

Khi thực hiện kiểm toán Báo cáo quy tắc toán NSNN, toàn bộ kiểm toán, thành viên của toàn bộ kiểm toán phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Điều 4 Quy trình kiểm toán của KTNN ban hành kèm theo Quy tắc số 08/2016/Q-KTNN ngày 23/12/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước (Quy trình kiểm toán của KTNN) và các quy định tại Quy trình này.

Điều 4. Kiểm soát chất lượng kiểm toán

Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy trình kiểm toán của KTNN.

Điều 5. Tài liệu, hồ sơ kiểm toán

Việc lập và lưu trữ tài liệu, hồ sơ kiểm toán của các cơ quan kiểm toán thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy trình kiểm toán của KTNN.

Chương II

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Điều 6. Khảo sát, thu thập thông tin

Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy trình kiểm toán của KTNN, cụ thể:

1. Thu thập thông tin về tình hình kinh tế, xã hội và tổng quát về NSNN năm của các cơ quan kiểm toán

- Thông tin khái quát về những yếu tố có tác động đến kinh tế trong năm (tăng trưởng, lạm phát, khủng hoảng, dịch bệnh...);

- Tình hình triển khai, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chính sách tài khóa, tiền tệ và các giải pháp quản lý, điều hành NSNN, phát triển kinh tế - xã hội...;

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong năm như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm của các cơ quan kiểm toán và các năm trước; tổng thu, chi vào NSNN trên GDP; cán cân thanh toán, cán cân thanh toán; tổng kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của các ngành chủ yếu; số liệu về công, nợ nước ngoài của Quốc gia và mức an toàn tài chính...;

- Thông tin tổng quát về NSNN năm của các cơ quan kiểm toán: Tổng thu, chi NSNN, bội chi, bội thu, kết dư NSNN, tổng số vốn đầu tư theo nghị quyết của Quốc hội;

- Thông tin tổng quát về kế hoạch tài chính 5 năm mục gia; kế hoạch xuất công trung hạn 5 năm mục gia; kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm mục gia liên quan đến các chỉ số kinh tế.

2. Thu thập thông tin về tình hình NSNN

a) Cân đối NSNN

Thông tin về số quy tắc toán năm trước liên quan đến các chỉ số kinh tế và số liệu về toán, kết quả thực hiện kế toán các năm các chỉ số kinh tế (chỉ số quy tắc toán) về các chỉ tiêu cân đối NSNN; gồm: (i) Tổng nguồn thu NSNN; (ii) Tổng chi NSNN; (iii) Bội chi/bội thu, kết dư NSNN; (iv) Chi trả nợ gốc; (v) Tổng mức vay của NSNN.

b) Kết quả thực hiện thu NSNN, tình hình quản lý thu NSNN

- Thông tin về số quy tắc toán năm trước liên quan đến các chỉ số kinh tế và số liệu về toán, kết quả thực hiện kế toán các năm các chỉ số kinh tế (số thực hiện theo báo cáo minh tế của Chính phủ thì ít nhất kiểm tra kế toán) về các chỉ tiêu thu NSNN theo lĩnh vực, theo số thuế.

- Thông tin về tình hình quản lý thu NSNN như: Nhận thu do ngành Thu quản lý, nhận thu do ngành Hộ quản lý, hoàn thu GTGT, công tác quản lý miễn, giảm thu và các thông tin khác cần lưu ý trong quản lý thu NSNN.

c) Kết quả thực hiện chi NSNN, chi ngân sách trung ương (NSTW); tình hình quản lý chi NSNN

- Thông tin về số quy tắc toán năm trước liên quan đến các chỉ số kinh tế và số liệu về toán, kết quả thực hiện kế toán các năm các chỉ số kinh tế (chỉ số quy tắc toán) về các chỉ tiêu chi NSNN, chi NSTW và chi ngân sách địa phương (NSĐP) theo các chủ đề; chi NSTW theo lĩnh vực.

- Thông tin về tình hình quản lý, chi tiêu hành, chi phí hành chi NSNN như: Phân bổ và giao dịch toán; chi tiêu hành toán; tạm ứng, nợ trả và thu hồi tạm ứng, nợ trả toán; xử lý thi hành thủ tục ngân sách; xử lý tăng, giảm thu, chi số về kế toán trong quá trình chi phí hành NSNN; số nợ đọng phòng ngân sách; xử lý chuyển nguồn ngân sách; ...

d) Các thông tin khác cần thu thập

- Thông tin về tình hình quản lý nợ công (danh và tỷ lệ % so với GDP theo kế toán và kết quả thực hiện) về các chỉ tiêu (i) Nợ công (nợ Chính phủ, nợ Chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương); (ii) Nợ ngoài nước mục gia; (iii) Nghĩa vụ/chi trả nợ trái phiếu Chính phủ (trả nợ gốc, trả lãi);

- Thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý và các thông tin khác.

3. Thông tin về hệ thống kế toán nội bộ và các thông tin liên quan khác

a) Thông tin liên quan đến môi trường kế toán

- Các phân cấp quản lý tài chính và các chỉ số kinh tế;

- Các quy định của Quốc hội, nghị quyết, chính sách, chỉ đạo của Chính phủ về chi tiêu hành toán, quản lý, chi tiêu hành thu, chi ngân sách năm các chỉ số kinh tế.

b) Thông tin liên quan đến công tác kế toán

- Hệ thống kế toán áp dụng;

- Tổ chức bộ máy kế toán và tình hình chi phí hành kế toán;

- Quy trình các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các số liệu khi phát sinh liên quan đến Báo cáo quy tắc toán NSNN;

- Các hoạt động, các giao dịch... có liên quan đến Báo cáo quy tắc toán NSNN.

c) Thông tin liên quan đến các thủ tục kế toán

- Thu thập thông tin về các thủ tục kế toán chi tiêu liên quan đến lập, chi phí hành, quy tắc toán thu, chi NSNN của năm;

- Các quy định về thủ tục hành và các quy định, quy định kiểm tra, giám sát của năm về trong công tác lập Báo cáo quy tắc toán NSNN.

d) Các thông tin khác cần thu thập

- Nh ng sai sót c phát hi n, các ghi nh t các cu c ki m toán tr c; các k t qu , ki n ngh ki m toán liên quan n m c ki m toán;

- Nh ng v n thanh tra, ki m tra ã có k t lu n liên quan n ho t ng trong th i k c ki m toán; ...

- Nh ng thông tin trên các ph ng ti n thông tin i chúng v nh ng v n c d lu n xã h i quan tâm...

4. Ph ng pháp thu th p thông tin

- G i v n b n yêu c u cung c p;

- Ph ng v n tr c ti p;

- S d ng các tài li u có liên quan c a các cu c ki m toán tr c;

- Các ph ng pháp khác theo quy nh t i i u 7 Quy trình ki m toán c a

KTNN.

i u 7. ánh giá h th ng ki m soát n i b và các thông tin ã thu th p, xác nh và ánh giá r i ro ki m toán, xác nh tr ng y u ki m toán

1. ánh giá h th ng ki m soát n i b và các thông tin ã thu th p

Th c hi n ánh giá h th ng ki m soát n i b và các thông tin ã thu th p theo ph ng pháp ánh giá và cách th c ti n hành quy nh t i i u 8 Quy trình ki m toán c a KTNN; t p trung m t s n i dung sau:

a) ánh giá tính y , tin c y, tính h p pháp, h p l c a các thông tin thu th p c.

b) ánh giá s b v tình hình tài chính qu c gia thông qua các ch tiêu kinh t v mô, tình hình thu, chi, cân i NSNN và các v n liên quan n d toán, th c t n m tr c li n k n m c ki m toán, k ho ch tài chính - ngân sách 3 n m qu c gia, k ho ch tài chính 5 n m qu c gia, k ho ch u t công trung h n 5 n m qu c gia.

c) ánh giá nh ng h th ng các quy nh v qu n lý NSNN, chính sách tài khoá n m c ki m toán, nh ng bi n ng b t th ng trong thu, chi NSNN, ho t ng i u hành thu, chi NSNN ch y u trong n m c ki m toán.

d) ánh giá h th ng ki m soát n i b c a các n v c ki m toán trên các m t: tin c y, tính y , tính liên t c, tính hi u l c thông qua s hi u bi t và ánh giá v môi tr ng ki m soát thu, chi NSNN, công tác k toán, các th t c ki m soát và ki m toán n i b .

) ánh giá v các quy nh n i b (t ch c và ho t ng), ki m soát, ki m tra, thanh tra thu, chi NSNN; vì c ch p hành các quy nh , quy ch n i b trong l p, ch p hành, quy t toán thu, chi NSNN c a các n v thu c B Tài chính, B K ho ch và u t .

e) ánh giá t ng h p v tin c y c a h th ng ki m soát n i b c a B Tài chính, B K ho ch và u t .

2. Xác nh và ánh giá r i ro ki m toán

Vì c xác nh và ánh giá r i ro ki m toán d a trên nh ng ánh giá t ng quát v các y u t tác ng n r i ro tỉ m tàng và r i ro ki m soát làm c s xây d ng k ho ch ki m toán t ng quát theo quy nh t i i u 9 Quy trình ki m toán c a KTNN; t p trung m t s n i dung sau:

a) ánh giá r i ro tỉ m tàng: ánh giá nh ng sai sót có th x y ra i v i các ch tiêu, các n i dung trong Báo cáo quy t toán NSNN tr c khi xem xét tính hi u l c c a h th ng ki m soát n i b c a n v c ki m toán. M t s l u ý khi xác nh r i ro ki m toán nh :

- Báo cáo quy t toán NSNN c B Tài chính t ng h p, l p và trình Chính ph trên c s báo cáo c a Kho b c Nhà n c (KBNN), k t qu th m nh báo cáo quy t toán c a các n v d toán c p I thu c NSTW và quy t toán NS P ã c H i ng nhân dân (H ND) c p t nh phê chu n; trong khi s li u gi a Kho b c Nhà n c - Thu - H i quan - Tài chính còn sai l ch, s li u quy t toán c t ng h p t nhi u c p ngân sách, nhi u n v d toán b , c quan trung ng nên có th ch a chính xác, y

...;

- B Tài chính không thẩm định quy tắc toán NS P; KTNN không kiểm toán toàn bộ các Báo cáo quy tắc toán NS P, Báo cáo quy tắc toán của các đơn vị kế toán cấp I thuộc NSTW;

b) Đánh giá rủi ro kiểm soát: đánh giá, xem xét tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị kế toán. Mục tiêu lưu ý khi xác định rủi ro kiểm toán như:

- Việc phê chuẩn quy tắc toán NS P của HĐND cấp tỉnh chưa được vào kế toán kiểm toán của KTNN; mục tiêu kiểm toán thu, chi hạch toán quy tắc toán không đúng niên ngân sách; mục tiêu kiểm toán chi chưa vào cân đối ngân sách; chưa loại trừ dự trữ ngân sách liên ghép;

- Việc xét duyệt quy tắc toán của các ban, cơ quan trung ương về việc các đơn vị trực thuộc vẫn còn sai sót như: Tổng hợp thi đua khen thưởng kinh phí, phần đánh thi đua các khoản thu sinh phí, đưa vào quy tắc toán các khoản chi sai chỗ, các khoản chi chưa kiểm tra quy tắc toán, chưa ghi thu, ghi chi các khoản vì như;

- Việc thẩm định báo cáo quy tắc toán của B Tài chính về việc Báo cáo quy tắc toán ngân sách của các ban, cơ quan trung ương còn sai sót; việc thẩm định và phê duyệt các đơn vị còn chậm, thiếu kịp thời... B Tài chính không thẩm định Báo cáo quy tắc toán NS P, đơn vị trực hợp không phát hiện sai sót kịp thời, việc yêu cầu UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp xử lý chưa kịp thời nên không đảm bảo thời gian tổng hợp quy tắc toán.

3. Xác định nguy cơ kiểm toán

Dựa trên đánh giá rủi ro kiểm toán; quy mô thu, chi NSNN và các chỉ tiêu quan trọng khác trên Báo cáo quy tắc toán NSNN; kế hoạch tài chính 5 năm mục tiêu gia; kế hoạch xuất công trung hạn 5 năm mục tiêu gia; kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm mục tiêu gia; chính sách tài khóa, tiền tệ và các giải pháp quản lý, hiệu quả hành NSNN liên quan đến kiểm toán xác định nguy cơ kiểm toán theo quy định từ 10 Quy trình kiểm toán của KTNN. Ngoài nguy cơ kiểm toán chung là xác định số liệu quy tắc toán thu, chi NSNN, mục tiêu lưu ý khi xác định nguy cơ kiểm toán như:

a) Về việc kiểm toán quy tắc toán thu NSNN

- Các chỉ tiêu thu chi và các chỉ tiêu không hoàn thành dự toán; các chỉ tiêu có số quy tắc toán vượt cao so với dự toán của Quốc hội quy định; các chỉ tiêu có hiệu quả dự toán trong năm;

- Việc hoàn thu GTGT;

- Các khoản tạm thu, tạm giữ;

- Số lượng nợ thu của đơn vị kế toán, việc thu hồi nợ thu; nguyên nhân nợ đọng của đơn vị thu.

b) Về việc kiểm toán việc hiệu quả dự toán và kiểm toán quy tắc toán chi NSNN

- Các chỉ tiêu chi chi và các lĩnh vực chi của Quốc hội, Chính phủ và xã hội quan tâm; các chỉ tiêu có số quy tắc toán vượt cao so với dự toán của Quốc hội quy định; các chỉ tiêu có hiệu quả dự toán trong năm; các khoản chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu NSTW;

- Việc phân bổ, giao dự toán của đơn vị yêu cầu và thời hạn quy định từ 10 Luật NSNN 2015;

- Việc hiệu quả dự toán NSNN, hiệu quả dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định từ 10 Luật NSNN 2015;

- Việc tạm ứng, nợ trả và thu hồi tạm ứng, nợ trả dự toán theo 10 Luật NSNN 2015;

- Việc xử lý thi đua khen thưởng ngân sách; xử lý nợ, giảm thu, chi số về dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước theo 10 Luật NSNN 2015;

- Việc sử dụng dự phòng ngân sách theo 10 Luật NSNN 2015; sử dụng Quỹ dự trữ tài chính theo 10 Luật NSNN 2015;

- Việc chi trả ngân sách của đơn vị thu, tạm thu, tạm giữ, tạm chi, kê d.

c) Về việc kiểm toán công tác quy tắc toán NSNN của lưu ý:

- Việc xử lý thu, chi NSNN của đơn vị theo 10 Luật NSNN 2015;

- Báo cáo quy t toán NSNN ph i áp ng yêu c u quy nh t i i u 65 Lu t NSNN 2015.

d) i v i ki m toán xác nh b i chi NSNN

- M c b i chi NSNN (trong ó b i chi NSTW, b i chi/k t d NS P) so v i d toán (s tuy t i và t l b i chi so v i GDP), trong ó l u ý xác nh s li u vay bù p b i chi NSTW theo t ng ngu n vay trong n c, vay ngoài n c;

- Xác nh n s li u n công theo m c vay bù p b i chi (m c n và t l n so v i GDP); vi c th c hi n các ch tiêu an toàn n công theo quy nh.

) Xác nh các n i dung tr ng tâm ki m toán i v i ki m toán vi c th c hi n các chính sách tài khoá, ti n t trong n m c ki m toán; k ho ch tài chính 5 n m qu c gia, k ho ch u t công trung h n 5 n m qu c gia, k ho ch tài chính - ngân sách 3 n m qu c gia ...

i u 8. L p và xét duy t k ho ch ki m toán t ng quát

1. L p k ho ch ki m toán t ng quát

Th c hi n theo quy nh t i i u 11 Quy trình ki m toán c a KTNN; các n i dung chính c n xác nh trong k ho ch ki m toán g m:

a) M c tiêu ki m toán

- ánh giá và xác nh n tính úng n, trung th c, y c a Báo cáo quy t toán NSNN n m c ki m toán;

- ánh giá vi c tuân th Lu t NSNN, ngh quy t c a Qu c h i, Chính ph , v n b n pháp lu t trong qu n lý, i u hành và s d ng NSNN n m c ki m toán;

- ánh giá hi u l c tri n khai chính sách tài khoá, hi u l c qu n lý, i u hành NSNN c a Chính ph i v i n m c ki m toán; phát hi n nh ng t n t i, h n ch trong qu n lý, i u hành NSNN ki n ngh bi n pháp kh c ph c, hoàn thi n t c ch chính sách n t ch c qu n lý, th c hi n;

- Làm c s Qu c h i xem xét, phê chu n quy t toán NSNN hàng n m; giám sát tình hình th c hi n k ho ch tài chính 5 n m qu c gia, k ho ch u t công trung h n 5 n m qu c gia, k ho ch tài chính - ngân sách 3 n m qu c gia thông qua k t qu ki m toán quy t toán NSNN n m c ki m toán.

b) N i dung ki m toán

- V quy t toán thu NSNN:

+ Xác nh s quy t toán thu NSNN; ánh giá vi c tuân th trong công tác quy t toán thu NSNN;

+ ánh giá vi c tuân th , tính hi u qu , hi u l c trong công tác l p, giao d toán thu NSNN; ch p hành d toán thu NSNN, qu n lý thu NSNN.

- V quy t toán chi NSNN:

+ Xác nh s quy t toán chi NSNN; ánh giá vi c tuân th trong công tác quy t toán chi NSNN;

+ ánh giá vi c tuân th , tính hi u qu , hi u l c trong công tác l p, giao d toán chi NSNN; ch p hành và i u hành d toán chi NSNN.

- Ki m toán m t s n i dung liên quan n NSNN:

+ Vi c trích l p, qu n lý và s d ng qu d tr tài chính c a NSTW;

+ Vi c ng tr c d toán cho n m sau li n k n m c ki m toán và hoàn tr kho n ng tr c c a các n m tr c trong n m c ki m toán;

+ Vi c tri n khai th c hi n các chính sách tài khoá, ti n t và nh ng gi i pháp c a Chính ph i u hành n n kinh t trong t ng th i k có liên quan n n m c ki m toán;

+ N công (l a ch n n i dung ki m toán phù h p g n v i Báo cáo quy t toán NSNN trong tr ng h p KTNN ã th c hi n ki m toán chuyên n công).Xác nh n ch tiêu vay bù p b i chi NSTW theo t ng ngu n vay trong n c, vay ngoài n c.

c) Ph m vi và gi i h n ki m toán

Xác nh niên (th i k), n v và các n i dung c ki m toán, gi i h n, h n ch không th ti n hành ki m toán i v i các n i dung c ki m toán ho c i chi u. L u ý xác nh rõ các n v c ki m toán thu c B K ho ch và u t , B Tài chính nh : V T ng h p kinh t qu c dân và các v có liên quan c a B K ho ch

và **Ut**; **V NSNN**, **V Tài chính Hành chính sự nghiệp**, **V Ut**, **C c Quản lý** và **Tài chính** **ngoại**, **C c Tài chính Doanh nghiệp**, **T ng c c Thu**, **T ng c c H i quan**, **KBNN** và **m t s** **nv liên quan c a B Tài chính**.

d) **Ph ng pháp và th t c ki m toán**

Tu theo m c tiêu, n i dung ki m toán l a ch n các ph ng pháp ki m toán phù h p. **M t s** ph ng pháp th ng xuyên c s đ ng trong ki m toán **Báo cáo quy t toán NSNN**, g m:

- **T ng h p**, tính toán, phân tích các ch tiêu trong **Báo cáo quy t toán NSNN**;

- So sánh, phân tích, ánh giá gi a s th c hi n v i đ toán và th c hi n n m tr c; so sánh gi a m t s ch tiêu trong **Báo cáo quy t toán NSNN** phân tích, ánh giá các ch tiêu t ng h p;

- So sánh, i chi u gi a m t s ch tiêu trong **Báo cáo quy t toán NSNN** v i: **Báo cáo quy t toán c a m t s b**, c quan trung ng (các **nv đ toán c p I c a ngân sách trung ng**) và **báo cáo quy t toán c a m t s t nh**, thành ph tr c thu c trung ng; **Báo cáo t ng h p** và chi ti t c a các **nv tr c thu c B Tài chính** (**KBNN**, **T ng c c Thu**, **T ng c c H i quan**, **V NSNN**, **V Ut**, **C c quản lý** và **Tài chính** **ngoại**...);

L u ý i chi u s li u quy t toán NSNN ã c i u ch nh theo ki n ngh ki m toán quy t toán NSNN các b , c quan trung ng và a ph ng hay ch a ?

- a ra yêu c u b ng v n b n v i **B K ho ch** và **Ut**, **B Tài chính** và các **nv tr c thu c** trong v i c cung c p s li u, tài li u và gi i trình b ng v n b n i v i các ngh c a oàn ki m toán làm c n c ki m tra và a ra nh n xét, ki n ngh .

) **Th i h n ki m toán và b trí nhân s ki m toán**

Th c hi n theo quy nh t i **Kho n 6**, **Kho n 7**, i u 11 Quy trình ki m toán c a **KTNN**.

e) **Kinh phí và các i u ki n v t ch t c n thi t cho c u c ki m toán:**

K ho ch ki m toán t ng quát ph i xác nh rõ kinh phí và các i u ki n c n thi t cho c u c ki m toán nh : **Chi phí** n, , i l i và các ph ng ti n làm v i c ph c v cho ho t ng c a oàn ki m toán.

2. **Xét duy t k ho ch ki m toán t ng quát**

Th c hi n theo quy nh t i i u 12 Quy trình ki m toán c a **KTNN**.

i u 9. L p và phê duy t k ho ch ki m toán chi ti t

Th c hi n theo quy nh t i i u 13 Quy trình ki m toán c a **KTNN**.

i u 10. Quy t nh ki m toán; ph bi n quy t nh ki m toán, k ho ch ki m toán t ng quát và c p nh t ki n th c cho thành viên oàn ki m toán

Th c hi n theo quy nh t i i u 14, i u 15 Quy trình ki m toán c a **KTNN**.

i u 11. Chu n b các i u ki n c n thi t cho oàn ki m toán

Th c hi n theo quy nh t i i u 16 Quy trình ki m toán c a **KTNN**.

Ch ng III **TH C HI N KI M TOÁN**

i u 12. Công b quy t nh ki m toán

T ch c công b quy t nh ki m toán t i n v c ki m toán ho c tr s **KTNN**; thông báo k ho ch ki m toán t ng quát; nêu rõ trách nhi m, quy n h n c a **Tr ng oàn** và các thành viên oàn ki m toán, quy n và ngh a v c a n v c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t; th ng nh t s ph i h p ho t ng gi a oàn ki m toán và n v c ki m toán.

i u 13. Ti n hành ki m toán t i B Tài chính

Ngoài v i c th c hi n theo quy nh t i i u 18 Quy trình ki m toán c a **KTNN**, khi ti n hành ki m toán **Báo cáo quy t toán NSNN t i B Tài chính** c n chú ý m t s n i dung và th t c sau:

1. **Ki m toán t i V NSNN**

a) **Ki m tra**, ánh giá công tác qu n lý **NSNN**, t ch c i u hành đ toán thu, chi **NSNN**

- Kiểm tra, đánh giá công tác lập, giao dịch toán NSNN; lập phương án chi u chi nh d toán NSNN (n u có):

+ đánh giá ví c phân b , giao dịch toán NSNN m b o yêu c u và th i h n quy nh t i i u 50 Lu t NSNN 2015;

+ So sánh, phân tích giá s th c hi n v i d toán NSNN, s th c hi n n m c ki m toán v i n m tr c li n k n m c ki m toán i v i các ch tiêu thu, chi NSNN; l u ý phân tích đánh giá nguyên nhân các ch tiêu thu, chi không t d toán ho c v t d toán cao, các ch tiêu có bi n ng l n so v i n m tr c ;

+ Tr ng h p trong n m i u ch nh d toán NSNN: Kiểm tra, đánh giá công tác lập phương án chi u chi nh d toán NSNN, l u ý phân tích đánh giá nguyên nhân i u ch nh, ví c tuân th quy nh v i u ch nh d toán NSNN theo quy nh t i i u 52 Lu t NSNN 2015.

- Kiểm tra, đánh giá công tác t ch c i u hành d toán NSNN; trong ó m t s n i dung ch y u:

+ Ví c kiểm tra các báo cáo c a a ph ng v d toán NS P và k t qu phân b d toán ngân sách c p t nh; l u ý ví c x lý các tr ng h p d toán NS P do H ND c p t nh quy t nh không ch p hành theo d toán Th t ng Chính ph giao;

+ Ví c phân b , giao dịch toán kinh phí cho các nhi m v chi ã có trong d toán NSNN c Qu c h i thông qua nh ng ch a c phân b , giao chi t i t ngay t u n m cho các b , c quan trung ng và các a ph ng; đánh giá c s phân b , giao dịch toán, tính k p th i và tác ng c a ví c ch m phân b , giao dịch toán (l u ý các Ch ng trình m c tiêu qu c gia; các chính sách an sinh xã h i);

+ Ví c i u ch nh d toán ã giao cho các n v s d ng ngân sách theo quy nh t i i u 53 Lu t NSNN 2015;

+ Ví c t m ng, ng tr c và thu h i t m ng, ng tr c d toán theo i u 57 Lu t NSNN 2015; l u ý đánh giá ví c tuân th nguyên t c, tiêu chí, i u ki n và th m quy n ng tr c d toán;

+ Ví c x lý thi u h t t m th i qu ngân sách trung ng theo i u 58 Lu t NSNN 2015;

+ Ví c x lý t ng, gi m thu, chi so v i d toán trong quá trình ch p hành NSNN theo i u 59 Lu t NSNN 2015; l u ý đánh giá tính k p th i, tính tuân th , phân tích tính h p lý trong ví c: Lập phương án s d ng s t ng thu và t i t ki m chi c a NSTW; th ng v t d toán các kho n thu phân chia gi a NSTW và NS P; NSTW h tr NS P tr ng h p h t thu NS P ...;

+ Ví c b trí d phòng ngân sách, ví c s d ng d phòng ngân sách theo i u 10 Lu t NSNN 2015; ví c trích l p, qu n lý và s d ng Qu d tr tài chính theo i u 11 Lu t NSNN 2015;

+ Ví c chi tr n g c t ngu n b i thu, t ng thu, t i t ki m chi, k t d (i chi u s li u gi a Báo cáo quy t toán NSNN v i báo cáo c a KBNN và báo cáo c a C c Qu n lý n và Tài chính i ngo i);

+ đánh giá trách nhi m c a V NSNN trong công tác kiểm tra ví c ch p hành, i u hành d toán NSNN c a các a ph ng (l u ý ví c qu n lý, s d ng các kho n NSTW b sung có m c tiêu; ví c qu n lý, s d ng và thu h i các kho n t m ng, ng tr c d toán; b i chi NS P; n chính quy n a ph ng...).

b) Kiểm tra, đánh giá công tác quy t toán NSNN, tính úng n, trung th c c a s li u k toán và s li u trên Báo cáo quy t toán NSNN

- So sánh, i chi u gi a các s li u chi t i t c t ng h p trên Báo cáo quy t toán NSNN v i s li u trên các Báo cáo quy t toán NS P và các Báo cáo kiểm toán NS P cùng th i k c ki m toán (l u ý các ch tiêu: T ng thu, t ng chi, k t d ngân sách, chi chuy n ngu n, b i chi NS P...);

- Kiểm tra, xác nh n s chỉ ng tr c d toán t các n m tr c c hoàn tr trong n m c ki m toán và s chỉ ng tr c d toán trong n m c ki m toán cho các n m sau;

- Kiểm tra, xác nh n d phòng NSTW ã c s d ng;

- Kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn chi phí trích cho các doanh nghiệp nhà nước, chi tiết theo từng năm (đích uvis li u KBNN);

- Đích uvis hoàn thu GTGT do V NSNN theo dõi đích uvis hoàn thu theo báo cáo của Tổng cục Thuế và số liệu từ KBNN;

- Đánh giá việc phân bổ chi phí vào các khoản thu của Tài chính kiểm tra, thẩm định báo cáo quy toán thu, chi ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương; việc kiểm tra, xử lý kết quả các sai sót, việc phân bổ trong quá trình tổng hợp quy toán thu, chi NS P;

- Đánh giá việc xử lý chuyển nhượng ngân sách; việc quy toán các khoản chi bằng lợi nhuận từ do V NSNN thực hiện; việc ghi thu, ghi chi; việc phân bổ vào NSNN các khoản chi từ ngân thu của lịch sử vào dự toán cân đối NSNN.

c) Kiểm toán công (lưu ý lựa chọn các nội dung kiểm toán phù hợp gắn với Báo cáo quy toán NSNN trong tổng hợp KTNN để thực hiện kiểm toán chuyên công)

- Kiểm toán Báo cáo tình hình các khoản vay trong nước của Chính phủ thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ, công trái xây dựng Tổng cục và các khoản vay trong nước khác (vay BHHH, SCIC, Quỹ tích lũy trong nước, NHNN, vay từ ngân KBNN...); lưu ý phân tích, xác nhận các khoản vay bù đắp bội chi NSTW và trả nợ gốc, vay thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ;

- Kiểm toán Báo cáo tổng hợp về tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương; lưu ý đích uvis kiểm tra quy kiểm toán NS P cùng thời kỳ (nếu có);

- Kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong việc chuyển đổi và hành thực hiện phát hành trái phiếu Chính phủ và các quy định về quản lý công.

d) Kiểm tra, đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý NSNN, thực hiện dự toán NSNN và việc thực hiện khai thác thực hiện các chính sách tài khóa. Phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chính sách tài chính, hiệu quả chi NSNN trên cơ sở các báo cáo tổng hợp, đánh giá của V NSNN. Phân tích, đánh giá tính bền vững của NSNN; việc thực hiện các giải pháp cải thiện thu, chi NSNN, công; đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính 5 năm mục gia, kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm mục gia.

2. Kiểm toán tài Tổng cục Thuế

a) Kiểm toán công tác quản lý thu

- Kiểm tra, đánh giá công tác lập, giao dự toán thu NSNN do ngành thu quản lý (nhận ngân sách lập, giao dự toán thu; việc tuân thủ trình tự, thủ tục, thời gian viên trong lập, giao dự toán; số hợp lý của các chỉ tiêu trong dự toán thu ngân sách);

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu NSNN theo từng số thu, phí, lệ phí; xác nhận nguyên nhân, không thể dự toán (kết quả việc nội dung kiểm toán này từ V NSNN);

- Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, chi tiêu hành thu NSNN của Tổng cục Thuế, gồm: Việc thực hiện khai thác thực hiện các giải pháp của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến thu NSNN trong năm kế toán; các biện pháp quản lý thu của ngành Thuế, việc chi tiêu dự toán thu; xác nhận số nợ thu của đơn vị kế toán, phân loại chi thu, so sánh, đánh giá mức tăng giảm, phân tích nguyên nhân tăng, giảm chi thu; công tác thanh tra, kiểm tra; công tác xóa nợ thu (tính hợp pháp của các khoản nợ thu của xóa, nguyên nhân các khoản chi tiêu chi tiêu xóa nợ ngân sách của xóa...); công tác miễn, giảm thu ... Việc thực hiện khai thác quy định pháp luật về thu nhập có hiệu lực áp dụng trong năm kế toán;

- Kiểm tra, đánh giá việc lập dự toán, thực hiện hoàn thu GTGT theo dự toán của giao; các khoản tạm thu, tạm giữ trong năm kế toán (gồm các số dư kết chuyển sang);

- Kiểm tra, đánh giá tính bền vững NSNN thông qua kiểm toán, đánh giá của Cục, kết quả thực hiện dự toán, xu hướng biến động các khoản thu chủ yếu như thu từ khu vực DNNN, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ thuế, hay thu từ đất, thu từ khai thác tài nguyên khoáng sản ... trong tổng thu NSNN;

- Lưu ý khi kiểm toán các nội dung trên cần chỉ ra những bất hợp pháp khi kiểm toán quan trọng và các báo cáo kiểm toán NSP (nếu có).

b) Kiểm toán, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của sổ kế toán, những kê thu nhập, số thuế thu nhập cá nhân và số thuế, phí, lệ phí do ngành thu quản lý, số thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Chỉ ra số liệu thu của Tổng cục Thuế và số liệu của KBNN (phần do ngành thu quản lý), số liệu hoàn thuế GTGT của Tổng cục Thuế và số liệu của KBNN;

+ Chỉ ra số thuế do Tổng cục Thuế tính báo cáo của các Công ty và doanh nghiệp (số liệu của các Công ty và doanh nghiệp và số thuế do KBNN tính báo cáo của các KBNN và doanh nghiệp; xác minh nguyên nhân chênh lệch (nếu có), nghe các nhân viên kiểm tra, nếu cần xác minh chính xác số thuế; kiểm tra việc chi trả thuế của người nộp thuế theo quy định kiểm toán NSP (nếu có).

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán, những kê và báo cáo kế toán, quy tắc toán theo chế độ quy định của Nhà nước.

3. Kiểm toán tài Tổng cục Hải quan

a) Kiểm toán công tác quản lý thuế

- Kiểm tra, đánh giá công tác lập, giao dịch toán thu NSNN (những công việc lập, giao dịch toán thuế thu nhập cá nhân; việc tuân thủ trình tự, thủ tục, thời gian viên trong lập, giao dịch toán; số hợp lý của các chỉ tiêu trong dự toán thu ngân sách);

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu NSNN theo tổng số thuế, phí, lệ phí; xác minh nguyên nhân, không thể dự toán (kết hợp với nội dung kiểm toán này tại V NSNN);

- Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, chi trả hành thu NSNN của Tổng cục Hải quan, gồm: Việc thực hiện chi trả hành thuế; thực hiện các ghi chép pháp của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến thu NSNN trong năm kế toán; các biện pháp quản lý thuế của ngành Hải quan, việc chi trả hành thuế; xác minh số thuế thu nhập cá nhân của kiểm toán, phân loại chi trả, so sánh, đánh giá mức tăng giảm, phân tích nguyên nhân tăng, giảm chi trả; công tác thanh tra, kiểm tra; công tác xóa nợ thuế (tính hợp pháp của các khoản nợ thuế xóa, nguyên nhân các khoản nợ chi trả xóa nợ những ngành chưa xóa...); công tác miễn, giảm thuế... Việc triển khai các quy định pháp luật về thuế mới có hiệu lực áp dụng trong năm kế toán;

- Kiểm tra việc xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ của năm kế toán (gồm các số dư kết chuyển sang);

- Kiểm toán, đánh giá tính bền vững NSNN thông qua kiểm toán, đánh giá của các kết quả thực hiện dự toán, xu hướng biến động khoản thu cân đối NSNN để chi trả, hàng hóa xuất nhập khẩu trong tổng thu NSNN;

- Lưu ý khi kiểm toán các nội dung trên cần chỉ ra những bất hợp pháp khi kiểm toán quan trọng và các báo cáo kiểm toán NSP (nếu có).

b) Kiểm toán, đánh giá tính đúng đắn, trung thực của sổ kế toán, những kê

- Xác minh số thuế thu nhập cá nhân theo số thuế, phí, lệ phí do ngành Hải quan quản lý; lưu ý:

+ Chỉ ra số liệu thu của Tổng cục Hải quan và số liệu của KBNN (phần do ngành hải quan quản lý);

+ Chỉ ra số thuế thu nhập cá nhân do Tổng cục Hải quan tính báo cáo của các Công ty và doanh nghiệp (số liệu của các Công ty và doanh nghiệp và số thuế thu nhập cá nhân do KBNN tính báo cáo của các KBNN và doanh nghiệp; xác minh nguyên nhân chênh lệch (nếu có), nghe các nhân viên kiểm tra, nếu cần xác minh chính xác số thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra việc chi trả thuế của người nộp thuế theo quy định kiểm toán NSP (nếu có).

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán ghi chép thuế và thuế khác chi trả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chế độ thuế và báo cáo kế toán, quy tắc toán theo chế độ quy định của Nhà nước.

4. Kiểm toán tài Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp

a) Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý NSNN, tổ chức thu hành toán thu, chi NSNN; trong đó nội dung chủ yếu:

- Công tác lập, giao đ toán chi thường xuyên (lưu ý về bố trí đ toán cho sự nghiệp giáo d ào t o, khoa h c công ngh); về chi thu hành đ toán đ giao cho các n v s đ ng ngân sách theo quy nh t i i u 53 Lu t NSNN 2015;

- Công tác kiểm tra đ toán n v đ toán c p I thu c NSTW đ giao cho các n v s đ ng ngân sách; lưu ý đánh giá về tuân thủ th i h n kiểm tra, về xử lý các tr ng h p phân b không úng quy nh;

- Về phân b , giao đ toán kinh phí cho các nhiệm vụ chi đ có trong đ toán NSNN c Qu c h i thông qua nh ng ch a c phân b , giao chi t i t ngay t u n m cho các b , c quan trung ng và các a ph ng; đánh giá c s phân b , giao đ toán, tính k p th i và tác ng c a vi c ch m phân b , giao đ toán (lưu ý các ch ng trình m c tiêu qu c gia; các chính sách an sinh xã h i);

- Về t m ng, ng tr c và thu h i t m ng, ng tr c đ toán chi thường xuyên theo i u 57 Lu t NSNN 2015; lưu ý đánh giá về tuân thủ nguyên t c, tiêu chí, i u ki n và th m quy n ng tr c đ toán;

- Kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ chính sách tài khoá, các gi i pháp t ch c i u hành đ toán NSNN n m c kiểm toán.

b) Kiểm tra, đánh giá công tác quy t toán NSNN, tính úng n, trung th c c a s li u k toán và s li u trên Báo cáo quy t toán NSNN

- Kiểm tra, đánh giá tính h p lý, h p pháp c a nh ng c n c l p quy t toán ngân sách; công tác th m nh, xét duy t báo cáo quy t toán thu, chi ngân sách c a các n v đ toán c p I thu c NSTW;

- đánh giá về xử lý chuyển ngu n ngân sách; về quy t toán các kho n chi b ng l nh chi t i n do V Tài chính Hành chính sự nghiệp p th c hi n; về ghi thu, ghi chi; về ph n ánh vào NSNN các kho n chi t ngu n thu c l i ch a a vào đ toán cân i NSNN;

- So sánh, i chi u gi a các s li u chi t i t c t ng h p trên Báo cáo quy t toán NSNN v i s li u trên báo cáo quy t toán ngân sách n m và báo cáo kiểm toán cùng th i k c kiểm toán c a các n v đ toán c p I thu c NSTW (lưu ý các chỉ tiêu: Kinh phí nh n trong n m, kinh phí đ s đ ng ngh quy t toán, s kinh phí ch a s đ ng n m tr c chuyển sang n m nay và s kinh phí ch a s đ ng n m nay chuyển n n m sau...).

5. Kiểm toán t i Kho b c Nhà n c

a) Kiểm tra, đánh giá công tác t ng h p, l p Báo cáo quy t toán NSNN đ c th c hi n trên c s báo cáo c a KBNN, k t qu th m nh báo cáo quy t toán c a các n v đ toán c p I thu c NSTW và quy t toán NS P đ c H ND c p t nh phê chu n; đánh giá về tuân thủ v th i gian, bi u m u quy t toán theo quy nh.

b) Kiểm tra, đánh giá tính úng n, trung th c c a Báo cáo quy t toán NSNN (bao g m c s li u chi t i t c t ng h p vào Báo cáo quy t toán NSNN) và các s li u liên quan n quy t toán NSNN trong n m c kiểm toán, trong đó nội dung chủ yếu:

- Về thu NSNN: Xác nh n s thu c t ng h p và chi t i t theo ch tiêu thu NSNN c ph n ánh vào niên NSNN, bao g m s li u quy t toán ngu n thu NSNN theo l nh v c và s li u quy t toán thu NSNN theo s c thu . Lưu ý:

+ i chi u s li u Báo cáo quy t toán NSNN v i s li u do KBNN h ch toán, s li u do T ng c c Thu , T ng c c H i quan, V NSNN, C c Qu n lý n và Tài chính i ngo i,... theo dõi, qu n lý;

+ Kiểm tra s li u quy t toán v chi hoàn thu GTGT trong thu cân i t ho t ng xu t, nh p kh u; s thu chuyển ngu n t n m tr c chuyển sang, thu k t đ n m tr c (i chi u v i s li u quy t toán chi chuyển ngu n, k t đ c a niên tr c niên c kiểm toán); s thu t qu đ tr tài chính;

+ Kiểm tra s thu v i n tr : làm rõ t ng s v i n tr , s v i n tr đ c ghi thu ghi chi (i chi u s li u quy t toán thu NSNN c t ng h p vào Báo cáo quy t toán

NSNN và số liệu báo cáo của KBNN, báo cáo của Cục Quản lý và Tài chính (ngoại);

+ Kiểm tra, xác định các khoản thu qua NSNN; lưu ý tính pháp lý của các khoản thu;

+ Kiểm tra, xác định các khoản tạm thu, tạm giữ xử lý; các khoản thu và vay của NSNN (bao gồm số liệu theo hợp mục).

- Về chi NSNN: Xác định nội chi tiết hợp và chi tiết theo chi tiêu để toán NSNN. Lưu ý:

+ Chỉ số số liệu Báo cáo quy toán NSNN và số liệu do KBNN hạch toán, số liệu do các đơn vị khác thuộc Bộ Tài chính (Về NSNN, Về thuế, Cục Quản lý và Tài chính (ngoại),...) theo dõi, quản lý; số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (quy toán chi đầu tư phát triển);

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSP theo chức vụ chi; lưu ý xác định chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ trong chi đầu tư phát triển, chi thực nghiệm;

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi NSTW theo lĩnh vực, gồm: chi bổ sung cân đối cho NSP (lưu ý số liệu từ ngân sách viện trợ không hoàn lại); chi NSTW theo lĩnh vực (gồm: Chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi trả lãi, chi viện trợ, chi thực nghiệm, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi chuyển nhượng, chi bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSP, chi nhiệm vụ khác; lưu ý các chi tiêu có số quy toán vượt cao hơn không tồn tại số kế toán, các khoản số dự phòng NSTW quy toán vào các lĩnh vực chi);

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngoài nước, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu bán tài sản trên đất, chuyển quy số dự phòng, nguồn vốn khác kéo dài tạm thời chuyển sang;

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi chi ngân trình mục tiêu quốc gia (gồm chi đầu tư phát triển, chi thực nghiệm);

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi NSNN theo nội dung kinh tế trên cơ sở số liệu và số báo cáo của KBNN.

- Về cân đối NSNN:

+ Kiểm tra, xác định nội chi/kết dư NSNN (NSTW, NSP) trên cơ sở số liệu từ ngân nguồn thu NSNN, tạm chi NSNN;

+ Kiểm tra, xác định nội số quy toán chi trả nợ NSTW, NSP (từ nguồn vay; tạm thu, tạm chi, tạm chi, tạm chi);

+ Kiểm tra, xác định nội tạm số vay của NSNN (vay trả nợ, vay bù đắp chi); đánh giá tình hình vay, trả NSTW, NSP (lưu ý dự nợ vay theo quy định).

- Kiểm tra, đánh giá việc chi các khoản thu, chi NSNN trong thời gian chuyển quy toán; lưu ý đánh giá các trường hợp chi các khoản sau thời gian chuyển quy toán (nếu có);

- Chỉ số, đánh giá việc chi các khoản số quy toán theo kỳ ngân sách kế toán báo cáo kế toán cùng thời kỳ các kế toán các báo, các quan trung ương, địa phương.

c) Kiểm toán công (lưu ý lựa chọn các nội dung kế toán phù hợp gắn với Báo cáo quy toán NSNN trong trường hợp KTNN đã thực hiện kế toán chuyên công)

- Kiểm toán, đánh giá Báo cáo tổng hợp về vay nợ của Chính phủ; tập trung chỉ ra các khoản vay trong nước, vay nợ ngoài nước số liệu kế toán từ Về NSNN, Cục Quản lý và Tài chính (ngoại);

- Kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong việc thực hiện các khoản vay của Chính phủ và các quy định về quản lý công; tập trung đánh giá tình hình vay nợ do KBNN thực hiện, như phát hành trái phiếu, tín phiếu KBNN, vay tiền ngân.

d) Kiểm tra, chỉ số số liệu từ hợp thu nhập của đơn vị sản xuất công nghiệp và số liệu báo cáo của các báo, các quan trung ương và các địa phương, kết quả kế toán nội vi các báo, các quan trung ương và các địa phương cùng thời kỳ (nếu có).

) Kiểm tra, xác nhận số liệu thống kê quy tắc toán các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý.

6. Kiểm toán tài Chính Quốc gia và Tài chính ngoại quốc

Là chức năng nội dung kiểm toán phù hợp với Báo cáo quy tắc toán NSNN trong thống kê KTNN để thể hiện kiểm toán chuyên môn công.

a) Kiểm toán, đánh giá Báo cáo thống kê và các báo cáo công

- Kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn, trung thực, hợp lý của các chỉ tiêu, số liệu và công theo quy định của Luật Quốc gia công;

- Xác nhận và đánh giá các tài liệu, các chỉ tiêu giám sát công theo quy định; đánh giá tính bền vững NSNN qua chỉ tiêu tổng công so với GDP, phân tích cơ cấu.

b) Kiểm toán, xác nhận các khoản vay ngoài nước (tức các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường quốc tế, không bao gồm các khoản vay cho vay lại) bù đắp bội chi NSTW và trả nợ gốc; vay thế hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài.

c) Kiểm toán báo cáo quy tắc toán Quỹ tích lũy (Quỹ tích lũy)

- Kiểm toán, xác nhận, đánh giá các khoản thu, chi của Quỹ tích lũy; xác nhận số dư Quỹ tích lũy (đánh giá tính đúng đắn, hợp lý, ý nghĩa số dư các khoản mục Quỹ tích lũy thông qua việc chi tiêu và các bên có liên quan xác nhận tính chính xác);

- Kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ chế độ tài chính trong quản lý, sử dụng và số dư Quỹ tích lũy.

d) Kiểm toán các khoản vay thế hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài

- Kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong việc đàm phán, ký kết hiệp định vay; việc chi trả xây dựng và thế hiện kế hoạch vay và trả trong nước;

- Kiểm toán, đánh giá việc cân đối, bố trí vốn ngân cho các dự án ODA; việc theo dõi tình hình ghi ngân, sử dụng kế hoạch vốn ngoài nước; việc thế hiện ghi thu, ghi chi vốn ngoài nước.

) Kiểm toán các khoản thu vốn từ nước ngoài không hoàn lại thu của nước NSTW

- Kiểm toán, đánh giá việc lập kế hoạch thu vốn từ nước, thống kê toán NSNN hàng năm của Bộ Tài chính;

- Kiểm toán, đánh giá việc quản lý theo dõi tình hình ghi ngân và xác nhận vốn từ nước, ghi thu, ghi chi NSNN nội địa và vốn từ nước theo quy định của pháp luật về vốn từ nước.

7. Kiểm toán tài Vụ

a) Kiểm toán, đánh giá công tác quản lý, sử dụng ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB)

- Kiểm tra, đánh giá công tác lập, giao dịch toán chi tiêu XDCB

+ Công tác tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng dự toán chi NSNN, sử dụng dự toán chi NSNN (nội có), phân bổ ngân sách NSTW và chi tiêu XDCB;

+ Công tác thẩm tra việc phân bổ dự toán chi tiêu XDCB thu của thẩm quyền của Vụ Đầu tư.

- Kiểm tra, đánh giá việc giao dịch toán bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XDCB từ các ngân hàng phòng, thủ thu, các ngân hàng khác. Lưu ý kiểm tra, đánh giá các pháp lý và thẩm quyền của từng cấp trong việc bổ sung dự toán theo quy định của Luật NSNN 2015;

- Xác nhận số liệu và kiểm tra, đánh giá việc ngân quỹ và thu hồi vốn ngân quỹ từ NSNN cho các dự án đầu tư của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; đánh giá công tác theo dõi, thống kê và kế toán cho các năm sau và thu hồi các khoản ngân quỹ dự toán phải thu hồi trong năm. Lưu ý tách rõ dự án do trung ương quản lý, địa phương quản lý và kiểm tra, đánh giá sử dụng ngân quỹ, thẩm quyền cho phép ngân và trách nhiệm thu hồi vốn ngân quỹ;

- Kiểm tra, đánh giá số ghi ngân số và nội dung toán giao, chi tiết theo từng nguồn vốn (bao gồm các giao khoản và số giao bổ sung trong năm), phân tích rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan trong trình hợp không thoả mãn kế toán. Khi phân tích, lưu ý các nội dung các khoản không có kế toán trong năm như các khoản vào quy toán như quy toán nội và các dự án các phép kéo dài; các dự án số dự kiến ngoài (quy toán theo số ghi ngân); số thanh toán thu hồi tài sản...

b) Kiểm toán, đánh giá công tác quy toán vốn từ XDCB hàng năm

- Kiểm tra, đánh giá việc trình hợp quy toán vốn từ hàng năm do các cơ quan trung ương quản lý (lưu ý số quy toán vốn ngoài nước). Chỉ ưu tiên số của KBNN, trình hợp có chênh lệch cần yêu cầu làm rõ nguyên nhân; việc trình hợp các phần bổ sung chi tiết, không qua kiểm soát của KBNN, khi kiểm toán cần xem xét, chỉ ưu tiên số trong báo cáo quy toán của ngân số dự kiến kinh phí các phần bổ sung chi tiết;

- Tình hình thanh toán và quy toán vốn năm (chi tiết theo từng dự án) của các dự án các phép kéo dài từ các năm trước sang và theo kê các dự án các phép kéo dài sang năm sau (số dự án, số vốn các phép kéo dài). Trong đó lưu ý việc các dự án các phép kéo dài có thu hồi tài sản các phép kéo dài và thời điểm phê duyệt cho phép kéo dài có phù hợp hay không;

- Kiểm tra, đánh giá việc theo dõi, trình hợp tình hình quản lý, số dự kiến nguồn trái phiếu Chính phủ (số còn dự kiến trước chuyển sang, số huy động trong năm, số đã số dự kiến trong năm và số còn dự kiến năm sau).

c) đánh giá tình hình quy toán vốn từ dự án hoàn thành; kiểm tra, đánh giá việc theo dõi, ôn tập quy toán vốn từ của các dự án hoàn thành (gồm: Các dự án đã hoàn thành chấp hành quy toán, số dự án chấp hành quy toán chậm; các dự án chấp hành quy toán nhưng chưa phê duyệt quy toán; các dự án đã phê duyệt quy toán vốn từ).

d) Kiểm tra, đánh giá tình hình ngân từ XDCB năm 31/12 của năm của kiểm toán theo từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương; công tác xử lý ngân từ XDCB.

đ) Chỉ ưu tiên số về tài liệu có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, KBNN.

8. Trình hợp chấp nhận, nhiệm vụ của các chức năng thu của Bộ Tài chính có thay đổi thì nội dung nội dung, thời điểm kiểm toán phù hợp.

Điều 14. Kiểm toán tài chính Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy trình kiểm toán của KTNN, khi tiến hành kiểm toán Báo cáo quy toán NSNN tài chính Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Trình hợp Kinh tế dân và các Viện chuyên ngành liên quan) cần chú ý một số nội dung và thời điểm sau:

1. Kiểm toán, đánh giá công tác lập, phân bổ và giao kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển; nội dung kế toán chi đầu tư phát triển (nội có)

- Kiểm tra, làm rõ các nội dung của việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng và huy động vốn vay đầu tư xây dựng (kể cả việc lập dự toán các khoản vay, phát hành trái phiếu Chính phủ trong các thực hiện các chương trình, dự án);

- Phân tích, đánh giá công tác lập, phân bổ và giao kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển; lưu ý việc tuân thủ trình tự, thời điểm lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư xây dựng, việc nội dung, bổ sung dự toán NSTW và thẩm quyền và nguồn vốn số dự kiến;

- Phân tích, đánh giá công tác lập, phân bổ và giao dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó lưu ý các nội dung phân bổ có phù hợp hay không theo quy định, có phù hợp hay không;

- đánh giá việc tuân thủ kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm mục tiêu, việc nội dung kế hoạch đầu tư công trung hạn (nội có).

2. Kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ quy định quản lý, số dự kiến vốn ODA, vốn vay ưu đãi (tình hình ghi ngân vốn ngoài nước, kế hoạch vốn ngân hàng năm

iv i các ch ng tr ình d án; c ch tr n , thu h i v n vay), trong ó l u ý n c n c phân b v n i ng t NSNN.

3. Xác nh s li u và ki m tra, ánh giá vi c ng tr c v n và thu h i v n ng tr c t NSNN cho các d án u t c a các b , c quan trung ng và a ph ng; ánh giá công tác theo dõi, t ng h p vi c ng tr c d toán cho các n m sau và thu h i các kho n ng tr c d toán ph i thu h i trong n m. L u ý tách rõ d án do trung ng qu n lý, a ph ng qu n lý; và ki m tra, ánh giá i u ki n c ng tr c, th m quy n cho phép ng và trách nhi m thu h i v n ng tr c.

4. Xác nh s li u và ánh giá vi c kéo dài th i gian thanh toán và i u chuy n k ho ch v n u t ngu n NSNN.

5. ánh giá công tác t ng h p, phân lo i và tham m u x lý n ng XD CB trên c s báo cáo c a B K ho ch và u t ; l u ý i chi u v i k t qu ki m toán c t ng h p.

6. ánh giá tình hình th c hi n công tác u th u trên c s báo cáo c a B K ho ch và u t ; l u ý i chi u v i k t qu ki m toán c t ng h p.

7. ánh giá vi c t ch c th c hi n công tác giám sát, ánh giá t ng th u t trên c s báo cáo c a B K ho ch và u t ; l u ý i chi u v i k t qu ki m toán c t ng h p.

Đ i u 15. L p và thông qua d th o biên b n ki m toán c a T ki m toán t i n v ki m toán chi ti t

Th c hi n theo quy nh t i Đ i u 19 Quy tr ình ki m toán c a KTNN; g m các b c:

1. L p d th o biên b n ki m toán c a T ki m toán t i n v ki m toán chi ti t.

2. B o v k t qu ki m toán c ghi trong d th o biên b n ki m toán c a T ki m toán t i n v ki m toán chi ti t tr c Tr ng oàn.

3. Thông qua d th o biên b n ki m toán c a T ki m toán t i n v ki m toán chi ti t.

Ch ng IV L P VÀ G I BÁO CÁO KI M TOÁN

Đ i u 16. L p và g i báo cáo ki m toán

1. Báo cáo ki m toán quy t toán NSNN t i B Tài chính, B K ho ch và u t c l p và g i theo tr ình t , th t c quy nh t i Đ i u 20, Đ i u 21, Đ i u 22, Đ i u 23, Đ i u 24 và Đ i u 25 Quy tr ình ki m toán c a KTNN; không th c hi n l p thông báo k t qu ki m toán t i B Tài chính, B K ho ch và u t theo quy nh t i Đ i u 25 Quy tr ình ki m toán c a KTNN.

2. Báo cáo ki m toán quy t toán NSNN tr ình Qu c h i c l p trên c s Báo cáo quy t toán NSNN do Chính ph tr ình Qu c h i, t ng h p k t qu ki m toán n m c a KTNN có liên quan n quy t toán NSNN và Báo cáo k t qu ki m toán quy t toán NSNN t i B Tài chính, B K ho ch và u t .

V T ng h p có trách nhi m t ng h p, l p Báo cáo ki m toán quy t toán NSNN tr ình T ng Ki m toán nhà n c ký phát hành; trong ó i chi u nh ng i u ch nh (n u có) gi a Báo cáo quy t toán NSNN do Chính ph tr ình Qu c h i v i Báo cáo quy t toán NSNN do B Tài chính g i KTNN khi th c hi n ki m toán quy t toán NSNN t i B Tài chính, B K ho ch và u t .

Ch ng V THEO DÕI, KI M TRA VI C TH C HI N K T LU N, KI N NGH KI M TOÁN

Đ i u 17. Theo dõi, ki m tra vi c th c hi n k t lu n, ki n ngh ki m toán

Th c hi n theo quy nh t i Lu t KTNN n m 2015, Ch ng V Quy tr ình ki m toán c a KTNN và Quy tr ình theo dõi, ki m tra vi c th c hi n k t lu n, ki n ngh ki m

toán c a KTNN ban hành t i Quy t nh s 07/2016/Q -KTNN ngày 14/12/2016 c a
T ng Ki m toán nhà n c./.